

Kon Tum, ngày 24 tháng 11 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về trách nhiệm của Trưởng ban về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Ban Dân tộc tỉnh

Thực hiện Quyết định số 70/QĐ-TTr, ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum, Về việc thanh tra trách nhiệm của Trưởng ban về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Ban Dân tộc tỉnh.

Từ ngày 08 tháng 8 năm 2023 đến ngày 16 tháng 10 năm 2023, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 70/QĐ-TTr, ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh, đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Ban Dân tộc tỉnh. Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với các phòng chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Trưởng Đoàn thanh tra. Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 18/2005/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc được quy định tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Cơ cấu tổ chức, bộ máy gồm: 01 Trưởng Ban, 02 Phó Trưởng Ban; 03 phòng chuyên môn giúp việc: phòng Hành chính - Tổng hợp, phòng Chính sách - Dân tộc và phòng Tuyên truyền - Địa bàn với tổng biên chế được giao là 18 biên chế.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí năm 2019 - 2022

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ đối với một số chứng từ thu-chi do đơn vị cung cấp theo phương pháp chọn mẫu, để đối chiếu số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính; không tiến hành xác minh, đối chiếu số liệu với các đơn vị có liên quan trong việc thanh toán hóa đơn, chứng từ bên ngoài cung cấp; không tiến hành kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, vật tư, hàng hóa tồn kho; không xác minh việc chi trả chế độ cho các đối tượng và người lao động. Đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng và chi trả.

1. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính và công khai, minh bạch

- Đơn vị được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

- Đơn vị đã tổ chức, triển khai thực hiện theo Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; thực hiện nghiêm túc việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện công khai các quy định, quy chế đã ban hành; công khai dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019-2022 của đơn vị: Về chế độ thanh toán tiền tàu xe phép năm, quy định “*Được thanh toán phụ cấp đi đường trong thời gian nghỉ phép với mức chi 200.000 đồng/ngày nhưng tối đa không quá 05 ngày*” là không đúng theo quy định tại Điều 113 Bộ luật Lao động và Điều 4 Thông tư 141/2011/TT-BTC, ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính.

- Chấp hành tốt việc lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hằng năm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính, Về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính; thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ gắn với công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

2.1. Tình hình kinh phí và thanh, quyết toán:

Đvt: đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	KP năm trước chuyển sang	6,181,000,000	0	0	0
	KP không tự chủ (DA 2086)	6,181,000,000	0	0	0
II	Dự toán giao đầu năm	12,026,000,000	12,652,000,000	6,438,000,000	7,167,000,000
1	Kinh phí tự chủ	2,869,000,000	2,991,000,000	3,135,000,000	3,254,000,000
2	Kinh phí không tự chủ	6,458,000,000	6,244,000,000	3,303,000,000	3,913,000,000
3	Kinh phí CTMTQGGN	2,699,000,000	3,417,000,000	0	0
III	KP bổ sung trong năm	1,577,000,000	988,900,000	91,100,000	6,315,000,000
1	Kinh phí tự chủ	63,000,000	112,000,000	22,000,000	0
2	Kinh phí không tự chủ	1,514,000,000	876,900,000	69,100,000	0
3	Kinh phí CTMTQGGN	0	0	0	6,315,000,000
IV	Kinh phí được sử dụng	19,784,000,000	13,473,900,000	6,298,100,000	13,482,000,000
-	Kinh phí tự chủ	2,617,000,000	2,665,000,000	3,110,000,000	3,254,000,000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	315,000,000	389,000,000	0	0
-	Kinh phí không tự chủ	14,153,000,000	7,002,900,000	3,188,100,000	3,913,000,000
-	Kinh phí CTMTQG GN	2,699,000,000	3,417,000,000	0	6,315,000,000

V	KP đề nghị quyết toán	19,131,630,000	13,245,039,000	6,061,165,000	10,421,484,918
-	Kinh phí tự chủ.	2,617,000,000	2,665,000,000	3,110,000,000	3,254,000,000
-	Kinh phí cải cách tiền lương	315,000,000	389,000,000	0	0
-	Kinh phí không tự chủ	13,500,630,000	6,774,039,000	2,951,165,000	3,385,676,468
-	KP CTMTQG giảm nghèo	2,699,000,000	3,417,000,000	0	3,781,808,450
VI	Kinh phí tồn dự toán	652,370,000	228,861,000	236,935,000	3,050,515,082
-	Kinh phí không tự chủ (hủy bỏ)	652,370,000	228,861,000	236,935,000	527,323,532
-	KP CTMTQG GN (chuyển NVC)	0	0	0	2,523,191,550

- **Năm 2019:** Nguồn kinh phí thực hiện “Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025” theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Chính phủ số tiền: 8.107.630.000 đồng và kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững “Dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở” số tiền: 2.699.000.000 đồng; **Năm 2020:** Nguồn kinh phí Chương trình MTQG số tiền quyết toán 3.417.000.000 đồng; Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc rất ít người theo Quyết định 2086/QĐ-TTg, số tiền quyết toán 1.612.000.000 đồng; **Năm 2022:** Nguồn kinh phí Chương trình MTQG. Đoàn thanh tra không kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình; việc chấp hành chế độ tài chính-kế toán và các chính sách, chế độ pháp luật có liên quan đến chương trình. Vì những nội dung này đã được Thanh tra Ủy ban Dân tộc, Kiểm toán Nhà nước thực hiện (Kết luận số 244/KL-TTr ngày 9/7/2021 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc; Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán ngày 12/6/2020 của Kiểm toán Nhà nước; Thông báo kết quả Kiểm toán tại tỉnh Kon Tum số 251/TB-KTNN ngày 7/7/2023; Biên bản xác nhận số liệu và tình hình Kiểm toán ngày 24/03/2023).

(chi tiết tại Phụ biểu 01, 02 kèm theo)

2.2. Kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy:

2.2.1. Nguồn kinh phí tự chủ:

Đơn vị đã chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích. Các nội dung chi, chứng từ phát sinh được lập và thanh quyết toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Tuy nhiên, năm 2020 việc kiểm tra, giám sát các khoản chi hoạt động thường xuyên chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán 2015 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính, như: Các chứng từ chuyển khoản thay mục phô tô, mực in không có giấy báo hết mực đề nghị thay, phiếu xác nhận thay mực không thể hiện loại máy; các chứng từ chuyển khoản mua hàng hóa, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu... đơn vị không lập dự toán, báo giá không đầy đủ, không có phiếu nhập kho, xuất kho...

2.2.2. Nguồn kinh phí không tự chủ

(a). Chi nước uống phục vụ các lớp bồi dưỡng, tập huấn đối tượng 3, 4 và người có uy tín (định mức 20.000đồng/hv/ngày) năm 2019 -2022

Đơn vị hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ mua, phục vụ trực tiếp cho học viên (giữa giờ buổi sáng, buổi chiều) tại các điểm tổ chức tập huấn. Tuy nhiên, chứng từ thiếu phiếu nhập kho; xuất kho; biên bản giao nhận số lượng cho các lớp.

(b). Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, tiền đi lại cho học viên tham gia các lớp bồi

duỡng, tập huấn đối tượng 3, 4 và người có uy tín năm 2019 -2022

Đơn vị chi theo định mức quy định tại Nghị quyết 11/2017/ND-HĐND, ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Kon Tum và Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(c). *Chi phí quản lý các chương trình năm 2020-2021*: Kiểm tra các chứng từ thay mực in, mực phô tô không có giấy báo hết mực đề nghị thay, phiếu xác nhận thay mực không thể hiện loại máy, báo giá không ngày tháng là chưa đảm bảo theo quy định Luật Kế toán 2015 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính

(d). *Kinh phí thăm hỏi đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí thăm hỏi người uy tín theo Quyết định 12 NSTW năm 2020-2022*: Ban Dân tộc tổ chức thăm hỏi đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tiêu biểu, người uy tín gặp khó khăn với hình thức chi tiền mặt kết hợp mua nhu yếu phẩm theo định mức. kiểm tra trên hồ sơ chứng từ, có danh sách ký nhận đầy đủ. Đoàn thanh tra không xác minh thực tế đối tượng thụ hưởng.

(e). *Năm 2019*

(e.1). *Kinh phí Đại hội đại biểu các DTTS cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ III năm 2019 trên địa bàn tỉnh*:

Tổng số kinh phí được giao cho Ban Dân tộc tỉnh, để tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số năm 2019 là 1.230.000.000 đồng (trong đó, theo Quyết định số 440/QĐ-UBND, ngày 06/5/2019 là 1.212.000.000 đồng và Quyết định số 1404/QĐ-UBND, ngày 11/12/2019 bổ sung 18.000.000 đồng).

Đơn vị đã thực hiện thanh, quyết toán đúng với các nội dung dự toán được duyệt. Tuy nhiên, hồ sơ thanh toán tiền thuê chỗ ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu ở các huyện về dự Đại hội. Đơn vị ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần Du lịch Pơ Lang và Công ty TNHH Hoàng Tuấn, với số tiền chi trả tiền thuê ăn nghỉ cho Đại biểu là 211.870.000 đồng, đơn vị đã hợp đồng và thanh toán thành nhiều đợt.

(e.2). *Kinh phí bồi dưỡng kiến thức dân tộc*: Qua kiểm tra chứng từ các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông và Sa Thầy, cho thấy: Đơn vị đã thực hiện thanh toán đúng với các nội dung dự toán giao, các nội dung thanh toán đúng định mức, phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

(e.3). *Kinh phí chi sự nghiệp kinh tế (thực hiện Đề án “Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Kon Tum” theo Quyết định số 322/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

- Về cung cấp khung dệt vải thổ cẩm: Tại thời điểm xác minh do các hộ dân đi làm rẫy, không có ở nhà, Đoàn thanh tra chỉ xác minh được 05 hộ gia đình (trong đó: 01 hộ tại thôn 6, xã Đăk Tô Re - huyện Kon Rẫy; 02 hộ tại xã Hơ Moong, 02 hộ tại thị trấn Sa Thầy - huyện Sa Thầy); 09 bộ khung dệt vải thổ cẩm cung cấp cho Dân tộc Brâu tại thôn Đăk Mế, xã Bờ Y - huyện Ngọc Hồi. Qua xác minh thực tế các hộ tại huyện Kon Rẫy và huyện Sa Thầy, cho thấy: Việc quản lý, sử dụng đúng theo nhu cầu của gia đình; 09 bộ cung cấp cho Dân tộc Brâu tại thôn Đăk Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi hiện đang lưu giữ 06 bộ tại nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn có hiện tượng bị mối, mọt làm hư hỏng, không sử dụng được, 03 bộ còn lại đã cấp cho dân (không xác minh, do không có người ở nhà). Theo trình bày của Trưởng thôn thì số khung dệt lưu giữ tại

nhà sinh hoạt cộng đồng, khi hộ nào có nhu cầu sử dụng thì thôn cho mượn.

- Về cung cấp gỗ để đẽ thuyền độc mộc: Qua kiểm tra hồ sơ thanh toán, Ban Dân tộc tỉnh cấp gỗ để đẽ thuyền độc mộc sai đối tượng quy định tại điểm 1.1.7, khoản 1.1 và khoản 1.3 Mục 1 theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 322/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, không có xã Sa Bình của huyện Sa Thầy, nhưng đơn vị đã chi thanh toán số tiền 15.707.000 đồng (theo Giấy RDT số 35/KPCSDT ngày 23/4/2019); chênh lệch giảm do cung cấp sai đối tượng theo Đề án, **số tiền 15.707.000 đồng.**

(e.4). *Kinh phí thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS tỉnh Kon Tum năm 2019:*

- Theo Hợp đồng số 23/HĐKT ngày 09/4/2019, được ký kết giữa Ban Dân tộc tỉnh với Công ty TNHH In - Quảng cáo Sao Đông Phương theo hình thức hợp đồng trọn gói, với tổng giá trị hợp đồng của gói thầu lắp đặt Panô, bảng tuyên truyền, in tờ rơi số tiền: 85.820.000 đồng.

+ Kết quả kiểm tra hồ sơ: Đơn vị đã tiến hành thanh toán cho nhà thầu đúng theo hợp đồng đã ký kết và Biên bản nghiệm thu thanh lý (Giấy RDT số 42/ KPCSDT ngày 02/5/2019: Thanh toán tiền lắp đặt Panô tuyên truyền là 70.000.000 đồng/10 cái; bảng tuyên truyền 5.320.000 đồng/14 cái; tờ rơi 10.500.000 đồng/3.000 tờ).

+ Qua kiểm tra, xác minh thực tế tại các điểm lắp đặt 04cái/07 cái Panô (gồm các xã: Hơ Moong, Rờ Koi, Ya Xiêr - huyện Sa Thầy và Đăk Ang - huyện Ngọc Hồi): Nội dung tuyên truyền đúng theo hồ sơ thanh toán, kích thước đơn vị thi công đúng với bảng vẽ phác họa do nhà thầu cung cấp.

(e.5). *Kiểm tra, xác minh việc thăm hỏi, tặng quà (nồi cơm điện Aidi) cho hộ gia đình, cá nhân đồng bào DTTS tiêu biểu trong các lĩnh vực năm 2019:* Tại thời điểm xác minh do các hộ dân đi làm rẫy, không có ở nhà, Đoàn thanh tra chỉ xác minh được 03 hộ gia đình (01 hộ tại xã Rờ Koi - huyện Sa Thầy; 02 hộ tại xã Tờ Re - huyện Kon Rẫy). Qua xác minh theo danh sách ký nhận do Ban Dân tộc tỉnh cung cấp cho Đoàn, sản phẩm cung cấp cho các hộ đúng với nhãn hiệu, chủng loại theo hồ sơ thanh toán.

(f). *Năm 2020*

(f.1). *Kinh phí cấp báo tin tức:* Thực hiện Văn bản 1092/UBND-VX, ngày 08/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, V/v thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, về việc mua đặt cấp báo tin tức cuối tuần cho người uy tín. Đoàn Thanh tra chỉ kiểm tra hồ sơ chứng từ có danh sách ký nhận, không xác minh đối tượng thụ hưởng.

(f.2). *Nguồn kinh phí hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp:*

- Gói thầu lắp đặt Panô, bảng tuyên truyền, băng rôn thực hiện đề án tảo hôn, cận huyết thống số tiền 94.550.000 đồng.

+ Hợp đồng số 08/HĐKT ngày 12/3/2020 với Công ty TNHH in - Quảng cáo Đông Phương số lượng panô tuyên truyền 07 cái lắp đặt tại các xã; bảng tuyên truyền 22 cái lắp đặt tại các xã; băng rôn 63 cái giao nhận tại Ban Dân Tộc. Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ngày 31/3/2020 thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng.

+ Bảng Panô thiếu dự toán chi tiết (chỉ có phác họa hình ảnh, nội dung). Không có biên bản khảo sát làm việc với Ủy ban nhân dân các xã về vị trí lắp đặt các Panô.

+ Đối với Băng rôn: Ban Dân tộc lập Biên bản bàn giao cho Ủy ban nhân dân

các xã, không có hồ sơ Ủy ban nhân dân các xã cấp phát cho thôn và người dân. Ban Dân tộc là đơn vị chủ trì triển khai, treo băng rôn đến từng thôn để tuyên truyền, nhưng lại giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các xã, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả.

+ Kiểm tra, xác minh thực tế tại xã Đăk Tô Lũng huyện Kon Rẫy (01 Panô), xã Rờ Koi huyện Sa Thầy (02 Panô): Nội dung tuyên truyền đúng theo hồ sơ thanh toán, kích thước đơn vị thi công đúng với bảng vẽ phác họa do nhà thầu cung cấp.

- Gói thầu lắp đặt Panô, in tờ rơi thực hiện Đề án phổ biến giáo dục, tuyên truyền đồng bào DTTS theo Quyết định 1163/QĐ-TTg số tiền 95.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 10/HĐKT ngày 12/3/2020 với Công ty TNHH in - Quảng cáo Đông Phương: Panô tuyên truyền 06 cái lắp đặt tại 06 xã: (Măng Cành, Đăk Tăng, Đăk Hring, Măng Bút, Đăk Long, Đăk Pxi); in tờ rơi 5.000 tờ giao nhận tại Ban Dân Tộc. Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng ngày 08/4/2020 thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng.

+ Bảng Panô thiếu dự toán chi tiết (chỉ có phác họa hình ảnh, nội dung). Không có Biên bản khảo sát làm việc với Ủy ban nhân dân các xã về vị trí lắp đặt các Panô.

+ Ban Dân tộc không thực hiện phát tờ rơi cho đồng bào DTTS tại các xã đặc biệt khó khăn (theo Kế hoạch số 8/KH-DT ngày 22/1/2020), chỉ lập biên bản bàn giao tờ rơi cho các xã, không có danh sách Ủy ban nhân dân xã cấp phát cho thôn và người dân. Ban Dân tộc là đơn vị chủ trì phát tờ rơi tuyên truyền đến đồng bào Dân tộc thiểu số nhưng lại giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các xã phát tờ rơi, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả.

+ Qua kiểm tra, xác minh thực tế 01 Panô tuyên truyền lắp đặt tại xã Hiếu, huyện Kon Plông: Nội dung tuyên truyền đúng theo hồ sơ thanh toán, kích thước đơn vị thi công đúng với bảng vẽ phác họa do nhà thầu cung cấp.

(g). Năm 2021

(g.1). Kinh phí Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4: Giấy RDT 2/BDKT ngày 07/5/2021 phê duyệt tài liệu Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4 số tiền 27.540.000 đồng ($630 \text{ bộ} \times 40.000\text{đ}/\text{bộ} = 25.200.000\text{đ}$, $VPP = 2.340.000\text{đ}$). Theo kế hoạch Ban Dân tộc mở 06 lớp, số lượng học viên triệu tập 504 học viên. Kiểm tra Hợp đồng ngày 23/4/2021, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 03/5/2021 phê duyệt tài liệu 630 bộ, vượt 126 bộ so với kế hoạch đã ban hành; chênh lệch giảm 126 bộ tài liệu **số tiền 5.040.000 đồng**.

(g.2). Kinh phí thực hiện tạo hôn, cận huyết thống:

+ Hồ sơ thanh toán lắp đặt 94 bảng tuyên truyền theo Đề án giảm thiểu tình trạng tạo hôn tại các xã. Kiểm tra hợp đồng giữa Ban Dân tộc với Công ty TNHH Ngọc Linh Trang Kon Tum, nội dung lắp đặt 94 bảng tuyên truyền tại Nhà Văn hóa một số xã trên địa bàn huyện: Tu Mơ Rông, Kon Rẫy, Đăk Glei, Ngọc Hồi nhưng trong hợp đồng không thể hiện địa điểm, vị trí lắp đặt cụ thể, số lượng lắp đặt bảng tuyên truyền cho mỗi xã.

Công ty TNHH Ngọc Linh Trang lập biên bản giao 94 bảng tuyên truyền cho các xã trên địa bàn 04 huyện theo hợp đồng (nội dung giao các xã có trách nhiệm treo sản phẩm tại nhà văn hóa các xã), không có biên bản xác nhận lắp đặt tại vị trí Nhà Văn hóa các xã là không đúng theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết, nhưng Ban Dân tộc

vấn lập biên bản nghiệm thu ngày 08/6/2021 tại Ban Dân tộc. Đơn vị chưa thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc nhà cung cấp lắp đặt bảng tuyên truyền đến địa điểm Nhà Văn hóa của các xã.

+ Kiểm tra hồ sơ thanh toán tiền mua 165 cái USB sao chép âm thanh nội dung tuyên truyền giảm thiểu hôn nhân cận huyết thống, cho thấy: Ban Dân tộc không khảo sát nhu cầu, điều kiện, số lượng đăng ký sử dụng từ các xã, thôn. Ban Dân tộc lập biên bản bàn giao cho các phòng Dân tộc và một số Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm tiếp nhận USB phân bổ cho các xã, thôn trên địa bàn (*không có danh sách phân bổ, bàn giao*).

Qua xác minh thực tế tại một số phòng Dân tộc các huyện (*Sa Thầy, Ngọc Hồi, Kon Plông, Kon Rẫy*) cho thấy: Các phòng Dân tộc có nhận USB từ Ban Dân tộc tỉnh nhưng khi cấp cho các xã, thôn trên địa bàn không lập danh sách cấp phát ký nhận. Tại xã Đăk Ang huyện Ngọc Hồi, cán bộ phụ trách cho biết: USB này chỉ có xã sử dụng, còn các thôn không sử dụng được vì không có máy móc, thiết bị. Đến thời điểm Đoàn thanh tra xác minh chỉ một số ít USB sử dụng.

Như vậy, Ban Dân tộc tỉnh mua USB sao chép âm thanh nội dung tuyên truyền giảm thiểu hôn nhân cận huyết thống chưa đạt hiệu quả, không đúng theo yêu cầu của Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đơn vị không thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát để triển khai Đề án có hiệu quả đến từng thôn và người dân.

(g.3). *Kinh phí thực hiện Đề án phổ biến giáo dục, tuyên truyền đồng bào DTTS theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg:*

+ RDT 65/CS ngày 23/9/2021 in băng rôn, tài liệu, bảng hướng dẫn Covid số tiền 95.300.000 đồng. Căn cứ kế hoạch 72 /KH-BDT ngày 13/8/2021 của Ban Dân tộc (... *In ấn khẩu hiệu, tờ rơi, áp phích, bảng tuyên truyền với nội dung phòng, chống Covid cấp cho các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới*). Đơn vị Hợp đồng số 88/HĐKT-BDT ngày 27/8/2021: Băng rôn (100 cái), bảng hướng dẫn phòng chống Covid (300 cái), in tài liệu chuyên môn (255 bộ). Biên bản nghiệm thu và giao nhận ngày 06/9/2021 thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng. Kiểm tra hồ sơ cho thấy:

Đơn vị Hợp đồng, nghiệm thu in tài liệu chuyên môn 255 bộ x 20.000 đ/bộ = 5.100.000 đồng, đơn vị không cung cấp và chứng minh nội dung tài liệu được in ấn, không có trong kế hoạch triển khai tuyên truyền số 72/KH-BDT, ngày 13/8/2021 của Ban Dân tộc. Do đó, chênh lệch giảm 255 bộ tài liệu chuyên môn không đúng quy định **số tiền 5.100.000 đồng**.

Ban Dân tộc lập Biên bản bàn giao băng rôn, tài liệu, bảng hướng dẫn Covid cho Ủy ban nhân dân các xã (*Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm cấp phát đến thôn và người dân*), không có biên bản giao và cấp phát của Ủy ban nhân dân xã đến các thôn và người dân là chưa đúng nội dung kế hoạch 72/KH-BDT ngày 13/8/2021 của Ban Dân tộc (...*In ấn khẩu hiệu, tờ rơi, áp phích, bảng tuyên truyền với nội dung phòng chống Covid cấp cho các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới*)..., không thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát để nâng cao hiệu quả.

(g.4). *Kiểm tra hồ sơ sửa chữa thay maket Panô, bảng tuyên truyền phổ biến giáo dục đồng bào DTTS:*

+ Đơn vị hợp đồng Công ty TNHH In - Quảng cáo sao Đông Phương Kon Tum

sửa chữa thay 10 Makét panô, 35 bảng tuyên truyền giao nhận lắp đặt tại địa điểm theo phụ lục đính kèm. Nhà cung cấp cùng Ban Dân tộc lập biên bản giao nhận thay Ma kết tại các Ủy ban nhân dân xã theo hợp đồng.

+ Bảng tuyên truyền (35 cái) Ban Dân tộc lập biên bản giao nhận đến Ủy ban nhân dân xã (*Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm treo tại Nhà Văn hóa và trường học*). Không có Biên bản xác nhận của các thôn, trường học về việc treo Bảng tuyên truyền. Đơn vị không thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát bảng tuyên truyền để nâng cao hiệu quả.

(g.5). *Kinh phí in ấn phẩm tuyên truyền về dân tộc tôn giáo theo Đề án 219/TTg:*

- *Gói thầu In ấn phẩm thông tin tuyên truyền về dân tộc số tiền 159.000.000 đồng:* Sở Tài chính phê duyệt dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định 321/QĐ-STC, ngày 19/11/2021 giá trị 159.000.000 đồng (*số lượng 1.500 cuốn x 106.000đ/cuốn.*) hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn. Đơn vị trúng thầu CTCP In và bao bì Kon Tum giá trị 90.000.000 đồng (*số lượng 1.500 cuốn x 60.000đ/cuốn*), Ban Dân tộc lập các thủ tục hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán theo quy định.

+ Qua tổ chức đấu thầu, đơn vị đã tiết kiệm được số tiền 69.000.000 đồng (*chênh lệch do đấu thầu đơn giá thấp hơn*). Đơn vị đã sử dụng khoản kinh phí tiết kiệm được lập thủ tục chỉ định thầu rút gọn CTCP In và bao bì Kon Tum để hợp đồng in ấn, nghiệm thu, thanh toán 1.135 cuốn ấn phẩm số tiền 68.100.000 đồng, nhưng không xin chủ trương cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Ban Dân tộc không thực hiện cấp phát ấn phẩm mà lập Biên bản giao cho phòng Dân tộc các huyện (*nhờ các phòng Dân tộc cấp giúp cho các xã*), một số biên bản giao không ngày tháng (*huyện Đăk Tô, Tu Mơ Rông, Ia HDrài, Sa Thầy*). Không có danh sách cấp phát ấn phẩm cụ thể cho từng đối tượng là chưa đúng theo Kế hoạch 50/KH-BDT ngày 18/5/2021 Ban Dân tộc (*...tổ chức cấp phát đến các cơ quan báo chí, các huyện, thành phố, các cơ sở du lịch, xã, thôn...*)

+ Qua xác minh tại một số phòng Dân tộc các huyện: Sa Thầy, Ngọc Hồi, Kon Plông và Kon Rẫy cho biết: Các phòng có nhận đầy đủ và cấp phát số lượng ấn phẩm theo biên bản giao nhận của Ban Dân tộc, nhưng không lập hồ sơ giao nhận của từng đối tượng. Ban Dân tộc chưa thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát đến các cơ quan báo chí, các huyện, thành phố, các cơ sở du lịch, xã, thôn để nâng cao hiệu quả.

(g.6). *Nguồn thu khác*

Trong năm 2021, Ban Dân tộc đã thực hiện trích 20% chi phí Ban quản lý dự án thuộc Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh, định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, với số tiền 328.717.000 đồng (*theo Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 22/11/2021*). Đơn vị đã rút vốn đầu tư trong 03 lần với số tiền 295.920.000 đồng. Tại thời điểm thanh tra (*ngày 11/8/2023*) Ban Dân tộc tỉnh không cung cấp văn bản, để xin ý kiến của người quyết định đầu tư đối với nội dung điều chỉnh, bổ sung 20% giá trị Hợp đồng ủy thác quản lý dự án số 10/2020/HĐ-UTQLDA dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh, định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Việc Ban Dân tộc tỉnh và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh tự ý thỏa thuận phân chia 20% nguồn chi phí quản lý dự án cho Ban Dân tộc tỉnh thụ hưởng là sai quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-

BTC, ngày 28 tháng 01 năm 2019 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

(h). Năm 2022

(h.1). Nguồn Sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Kế hoạch 3417/KH-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum): Đơn vị sử dụng nguồn sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng CBCC để chi công tác phí cho giảng viên là CBCC của đơn vị là không đúng nguồn, nội dung này thuộc nhóm nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí tự chủ, cụ thể:

+ Phiếu chi số 10/KPKTDT ngày 10/10/2022 thanh toán công tác phí huyện Kon Rẫy, Sa Thầy lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 3, số tiền 5.624.000 đồng: Chi công tác phí (CTP) giảng viên không đúng nguồn **số tiền 3.424.000 đồng** (Hà Hồng Duy, số tiền: 600.000 đồng; U Minh Nam, số tiền: 600.000 đồng; Y Xô Kiếm Ba, số tiền 2.824.000 đồng).

+ Phiếu chi số 11/KPKTDT ngày 10/10/2022 thanh toán CTCP huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Kon Plông lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4, số tiền 10.800.000 đồng: Chi CTP giảng viên không đúng nguồn **số tiền 6.150.000 đồng** (Hà Hồng Duy, số tiền: 450.000 đồng; U Minh Nam, số tiền: 950.000 đồng; Y Xô Kiếm Ba, số tiền 4.750.000 đồng).

+ Phiếu chi số 12/KPKTDT ngày 10/10/2022 thanh toán CTCP huyện Sa Thầy lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 3, chi CTP không đúng nguồn **số tiền 713.000 đồng** (CTP Hà Hồng Duy: 300.000 đồng; dầu xe: 413.000 đồng).

Tổng số tiền là 10.287.000 đồng.

(h.2). Kinh phí quản lý các chương trình về công tác dân tộc: Chi CTCP không có công văn, kế hoạch công tác được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt theo quy định, tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 40/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Sử dụng nguồn quản lý các chương trình chính sách dân tộc để chi là không đúng nhiệm vụ chi, nội dung này thuộc nhóm nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí tự chủ cụ thể:

+ Phiếu chi số 04/THCS ngày 25/02/2022 thanh toán CTP xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông (kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng tại điểm thôn Đăk Kinh 1 xã Ngọc Lây theo Quyết định 2085/QĐ-TTg), **số tiền 2.286.000 đồng** (Hà Hồng Duy, Nguyễn Xuân Lộc).

+ Phiếu chi số 12/THCS ngày 25/02/2022 thanh toán CTCP xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông (kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành và bàn giao các hạng mục công trình xây dựng tại Điểm thôn Đăk Kinh 1 xã Ngọc Lây theo Quyết định 2085/QĐ-TTg), **số tiền 1.395.000 đồng** (Hà Hồng Duy, Nguyễn Xuân Lộc).

+ Phiếu chi số 22/THCS ngày 16/5/2022 thanh toán CTP xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei (kiểm tra các công trình tại điểm thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong huyện Đăk Glei), **số tiền 2.378.000 đồng** (Đình Quốc Tuấn, Nguyễn Xuân Lộc).

Tổng số tiền 6.059.000 đồng.

(h.3). Kinh phí tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng

bào DTTS theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP: Gói thầu “Cung cấp bảng tuyên truyền, tờ rơi thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền”, số tiền 95.000.000 đồng:

- Hợp đồng kinh tế số 1209.2/2022/HĐKT-BDT ngày 12/9/2022: Bảng tuyên truyền 50 cái x 1.400.000 đồng = 70.000.000 đồng (in màu, bản khung sắt mạ kẽm 20*20*1,4ly; mặt bảng tôn mạ kẽm 04 zem; viền nhôm v2 xung quanh bảng; kích thước 1,2m*2,0m); Tờ rơi tuyên truyền 5.000 tờ x 5.000 đồng = 25.000.000 đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 29/9/2022: Thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng.

- Đối với bảng tuyên truyền: Không có dự toán chi tiết, thiết kế bảng tuyên truyền. Không có Biên bản khảo sát làm việc với Ủy ban nhân dân các xã về vị trí treo các bảng tuyên truyền.

+ Biên bản giao nhận bảng tuyên truyền, tờ rơi (theo Công văn số 976/BDT-TTĐB ngày 23/9/2022): Đối với bảng tuyên truyền: Được treo tại Ủy ban nhân dân xã và các thôn thuộc xã; đối với Tờ rơi: Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm cấp cho các thôn còn lại và Trường Trung học cơ sở chưa có Bảng tuyên truyền. Tuy nhiên, không có Biên bản xác nhận của các thôn về việc treo Bảng tuyên truyền tại thôn và Danh sách cấp tờ rơi cho các thôn. Ban Dân tộc là đơn vị chủ trì triển khai nội dung này đến từng thôn và người dân, lại giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các xã treo Bảng tuyên truyền và cấp tờ rơi cho các thôn, đồng thời, không thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát.

(h.4). Nguồn kinh phí thực hiện Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS: Giấy rút dự toán 103/KPCSĐT ngày 4/10/2022, lắp đặt Panô tuyên truyền thực hiện Đề án bình đẳng giới số tiền 22.000.000 đồng:

- Hợp đồng kinh tế số 1209.1/HĐ ngày 12/9/2022 với Công ty TNHH In - Quảng cáo Sao Đông Phương số tiền 22.000.000 đồng (02 cái, 11.000.000 đồng/cái; tại Ủy ban nhân dân xã Kroong và Ủy ban nhân dân xã Đăk Pét huyện Đăk Glei). Nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 29/9/2022.

+ Đơn vị không lập dự toán chi tiết, thiết kế bản vẽ thi công Panô; không có biên bản khảo sát làm việc với Ủy ban nhân dân các xã về vị trí lắp đặt các Panô.

+ Biên bản giao nhận Panô tuyên truyền với Ủy ban nhân dân xã Đăk Pét (26/9/2022), Ủy ban nhân dân xã Đăk Kroong (26/9/2022): Không thể hiện vị trí lắp đặt Panô; nội dung bàn giao Panô tuyên truyền; số lượng 01 cái; Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm treo sản phẩm trên tại Ủy ban nhân dân xã. Ban Dân tộc tỉnh là đơn vị chủ trì triển khai thực hiện nội dung này, nhưng lại giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân các xã treo Panô tuyên truyền.

(h.5). Nguồn kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Gói thầu “Cung cấp USB file âm thanh tuyên truyền pháp luật hôn nhân dân số gia đình phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết”, số tiền 83.700.000 đồng (số lượng 620 cái, 135.000 đồng/cái). Kiểm tra hồ sơ cho thấy:

+ Không có đăng ký nhu cầu từ các huyện, xã.

+ Biên bản giao nhận USB tuyên truyền với Phòng Dân tộc các huyện, thành phố: Không có danh sách cấp các xã, thôn; Nội dung biên bản bàn giao: Phòng Dân tộc các huyện, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận USB phân bổ cho các xã trên địa bàn huyện.

+ Không có Biên bản bàn giao cho các xã sử dụng.

+ Xác minh thực tế tại một số Phòng Dân tộc các huyện, cho thấy: Các Phòng Dân tộc có nhận USB từ Ban Dân tộc tỉnh nhưng khi cấp cho các xã, thôn trên địa bàn huyện không lập danh sách cấp. Tại xã Đăk Ang huyện Ngọc Hồi, cán bộ phụ trách cho biết: USB này chỉ có xã sử dụng, còn các thôn không sử dụng được vì không có máy móc, thiết bị; hầu hết các USB đến thời điểm xác minh chưa được sử dụng.

Như vậy, Ban Dân tộc tỉnh triển khai cấp USB file âm thanh tuyên truyền pháp luật hôn nhân dân số gia đình phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống khi chưa khảo sát nhu cầu và điều kiện cơ sở vật chất của các xã, thôn, dẫn đến sử dụng không hiệu quả. Đồng thời, không thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát.

(h.6). Gói thầu: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025 giá trị: 1.406.927.556 đồng. Trong đó, nguồn vốn bố trí năm 2022: 447.300.000 đồng:

Đơn vị triển khai trình tự, thủ tục theo đúng các quy định hiện hành. Năm 2022 triển khai xây dựng, khởi tạo hệ thống; thực hiện kiểm thử và vận hành thử; tổ chức đào tạo và hướng dẫn sử dụng; nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Xác minh thực tế việc sử dụng dịch vụ tại các huyện, xã: Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc đang được các huyện, xã cập nhật và sử dụng thường xuyên. Quá trình thực hiện xảy ra vướng mắc được cán bộ Viễn thông Kon Tum hướng dẫn và khắc phục kịp thời.

(h.7). Nguồn kinh phí Chương trình MTQG:

Đoàn thanh tra thực hiện kiểm tra, xác minh đối tượng thụ hưởng chính sách của một số Dự án, cụ thể:

- Dự án 9: Hỗ trợ sản xuất, công tác tuyên truyền, bồi dưỡng năng lực, trong đó: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế, đã cung cấp bò sinh sản cho 30 hộ tại Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy.

+ Giá trị nghiệm thu, thanh toán là: $5.330,767\text{kg} \times 109.800 \text{ đồng} = 585.318.182$ đồng. Danh sách ký nhận và Biên bản bàn giao cho từng hộ: 30 con/30 hộ.

+ Xác minh thực tế tại Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy: Hiện có 01 hộ bò bị bệnh chết (*Y Bla*), còn 29 con bò hiện nay đang sinh sản và phát triển tốt.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Gói thầu: Cung cấp Bảng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, số tiền 69.915.502 đồng (*số lượng: 53 cái. Quy cách, chất lượng: In màu nội dung hình ảnh 04 màu mực trên nền Decal, độ phân giải 720dpi, bản khung sắt, mạ kẽm 20x20x1,4ly, mặt tôn mạ kẽm 04 zem, viền nhôm V2 xung quanh bảng, kích thước 1,2x2,0m*).

+ Xác minh thực tế tại xã Đăk Tờ Lùng- huyện Kon Rẫy cho thấy: Bảng tuyên truyền đúng quy cách như hồ sơ thanh toán.

3. Việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công

Đơn vị có mở sổ theo dõi, trích khấu hao và thực hiện kiểm kê định kỳ hằng năm đối với tài sản cố định, theo đúng quy định tại Điều 11 Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản

cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 130 Nghị định 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với các gói thầu mua sắm tài sản, nhu yếu phẩm, Panô, bảng tuyên truyền... thực hiện các chính sách về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh: Đơn vị không ban hành Quyết định phê duyệt danh mục mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm, nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp.

4. Sửa chữa tài sản

Năm 2022, Ban Dân tộc tỉnh đã tiến hành sửa chữa trụ sở làm việc theo Quyết định số 27/QĐ-BDT, ngày 07/3/2022 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh với tổng mức đầu tư là 445.000.000 đồng (trong đó: Chi phí xây dựng: 393.217.000 đồng; Chi phí quản lý dự án: 13.550.000 đồng; Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 35.218.000 đồng; Chi phí khác: 2.893.000 đồng; Chi phí dự phòng: 122.000 đồng); Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước năm 2022 theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Kết quả kiểm tra như sau:

- Nghiệm thu thanh toán vượt khối lượng xây lắp số tiền 12.625.726 đồng.
- Nghiệm thu thanh toán các khoản chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng chưa đúng theo quy định số tiền: 51.237.000 đồng.

(chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo)

II. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng

Từ năm 2019 đến năm 2022 các công trình, dự án đầu xây dựng do Ban Dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư đã được kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Ủy ban Dân tộc tiến hành thanh tra, kiểm toán. Do vậy, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 70/QĐ-TTr, ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chánh Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra xác minh.

(chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo)

III. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, về khiếu nại, về tố cáo

1. Về công tác tiếp công dân

Công tác tiếp công dân được Trưởng Ban Dân tộc quan tâm chỉ đạo thường xuyên; đã ban hành quy chế tiếp công dân theo quy định; trong đó, đã xây dựng lịch trực tiếp công dân thường xuyên và tiếp định kỳ của Trưởng ban hàng tháng theo quy định; số ngày tiếp công dân định kỳ được đảm bảo theo quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013 và Nghị định 64/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ; thực hiện đủ số ngày tiếp công dân định kỳ của Trưởng ban theo quy định (*vào ngày thứ Năm hàng tuần*).

Từ tháng 03/2021 đến nay, Ban Dân tộc không có bộ phận chuyên trách và phòng tiếp công dân, do đã giải thể Phòng Thanh tra. Phòng tiếp công dân được bố trí tại Hội trường Ban Dân tộc; công tác tiếp công dân và xử lý, giải quyết đơn thư khiếu

nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh của công dân được Trưởng ban giao cho các phòng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ khi có vụ việc phát sinh.

Tuy nhiên, thời gian từ năm 2019-2022, tại Ban dân tộc không có công dân đến khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh.

2. Về công tác tiếp nhận, phân loại và giải quyết đơn của công dân

Tổng số đơn thư tiếp nhận, xử lý (*thời gian từ năm 2019-2022*) là 02 đơn kiến nghị, phản ánh. Nội dung kiến nghị, phản ánh:

+ 01 đơn về hỗ trợ, bồi thường hoa màu trên đất tại xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi do Ban Dân tộc làm chủ đầu tư.

+ 01 đơn kiến nghị, phản ánh một số cán bộ của tỉnh, huyện làm trái quy định pháp luật.

- Theo thẩm quyền:

+ Đơn thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Trưởng ban: 01 vụ việc.

+ Đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết: 01 đơn (*Ban Dân tộc đã có văn bản trả lời, hướng dẫn cho công dân biết*).

- Công tác giải quyết đơn kiến nghị thuộc thẩm quyền: Ban dân tộc đã phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, Ủy ban nhân dân xã Pờ Y làm việc, trao đổi để xem xét, giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh của công dân; đồng thời, có văn bản trả lời cho công dân theo quy định.

IV. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra

Đối với các nội dung: Việc thực hiện Kế hoạch thanh tra, trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra, kết luận thanh tra, công khai kết luận thanh tra và xử lý vi phạm về thanh tra; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra trong quá trình thanh tra; việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Đoàn thanh tra; việc ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định xử lý sau thanh tra; việc áp dụng biện pháp để khắc phục, sơ hở, yếu kém, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật từ năm 2019 - 2021 đã được Đoàn kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra (*Thông báo số 623-TB/TU ngày 08/11/2022 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*). Do đó, Đoàn thanh tra không kiểm tra nội dung này.

Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra việc xây dựng kế hoạch thanh tra, phê duyệt kế hoạch thanh tra; việc thực hiện trách nhiệm của Trưởng ban trong việc tổ chức, thực hiện Luật Thanh tra; việc bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; việc quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ thanh tra từ năm 2019 - 2022.

1. Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, phê duyệt kế hoạch thanh tra

1.1. Về việc đề xuất định hướng xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm:

Từ năm 2019 đến năm 2021, đơn vị không có đề xuất định hướng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định.

1.2 Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra

Đơn vị đã phê duyệt Kế hoạch thanh tra hàng năm theo quy định của Luật Thanh tra 2010, Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính

phủ Quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra và các văn bản hướng dẫn của Thanh tra tỉnh¹.

2. Việc thực hiện trách nhiệm của Trưởng ban trong việc tổ chức, thực hiện Luật Thanh tra

- Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn Trưởng Ban đã chỉ đạo Phòng Thanh tra thực hiện các hoạt động thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra 2010.

- Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022. Tại **Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn: Khoản 10. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân.....** Quy định thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn **thanh tra** là không đúng chức năng theo quy định tại Điều 4 Luật thanh tra 2010 và Nghị định số 07/2012/NĐ-CP, ngày 09/12/2012 của Chính phủ, vì sau khi tổ chức lại không còn phòng Thanh tra².

3. Việc bổ nhiệm các ngạch thanh tra viên

Giai đoạn từ năm 2019 đến tháng 3/2021, trong cơ cấu ngạch công chức thuộc Ban Dân tộc được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có 03 chỉ tiêu ngạch thanh tra bố trí tại phòng Thanh tra thuộc Ban Dân tộc (*01 Thanh tra viên chính, 02 Thanh tra viên*). Ban Dân tộc đã tham mưu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên chính cho 01 lãnh đạo phòng và ngạch Thanh tra viên 01 công chức theo quy định.

Sau khi tổ chức lại các đơn vị hành chính thuộc Ban Dân tộc tỉnh, từ tháng 4/2021 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính, bổ nhiệm và xếp lương ngạch Chuyên viên chính, Chuyên viên đối với các công chức (*nguyên là công chức thuộc phòng Thanh tra*) được bố trí công tác khác (*Phòng Tuyên truyền - Địa bàn*) theo quy định³. Hiện nay, tại Ban Dân tộc không có công chức được bổ nhiệm hưởng ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính.

4. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Ban Dân tộc đã thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đáp ứng theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh. Tuy nhiên, từ năm 2019 - 2021 đơn vị chưa thực hiện báo cáo đề xuất định hướng kế hoạch thanh tra hàng năm gửi Thanh tra tỉnh theo yêu cầu.

5. Việc quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ thanh tra

Từ năm 2019 đến 2021, các Đoàn thanh tra không lập hồ sơ theo quy định tại Điều 49 Thông tư 06/2021/TT-TTCP (*phân loại theo nhóm hồ sơ*) và không bàn giao,

¹Quyết định số 126/QĐ-BDT ngày 27/11/2018 phê duyệt kế hoạch thanh tra; Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng trong việc thực hiện chính sách dân tộc năm 2019 của Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 223/QĐ-BDT ngày 13/12/2019 v/v phê duyệt kế hoạch thanh tra; Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng trong việc thực hiện chính sách dân tộc năm 2020 của Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 225/QĐ-BDT ngày 23/12/2020 v/v phê duyệt kế hoạch thanh tra; Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng trong việc thực hiện chính sách dân tộc năm 2021 của Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum

² Quyết định số 229/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum v/v tổ chức lại các đơn vị hành chính thuộc Ban dân tộc tỉnh Kon Tum

³ Quyết định 267/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh.

quản lý, sử dụng hồ sơ thanh tra sau khi đóng hồ sơ thanh tra theo quy định Điều 50 Thông tư 06/2021/TT-TTCP.

C. KẾT LUẬN NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. Về ưu điểm

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

- Đơn vị đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao hàng năm theo đúng quy định hiện hành; các nguồn kinh phí năm trước chuyển sang sử dụng đúng các nhiệm vụ chi; thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, chế độ và định mức hiện hành; thực hiện tốt việc báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm và công khai dự toán, quyết toán theo quy định. Đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công của đơn vị.

- Công tác quản lý theo dõi, hạch toán tài sản, công cụ dụng cụ đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành; đã mở sổ sách theo dõi tài sản trong năm; chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý tài sản công tại đơn vị.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thành công Đại hội đại biểu các DTTS cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ III, năm 2019 trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo quy định.

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng

Từ năm 2019 đến năm 2022 các công trình, Dự án đầu tư xây dựng do Ban Dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư đã được kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Ủy ban Dân tộc tiến hành thanh tra, kiểm toán. Do vậy, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 70/QĐ-TTr ngày 25/7/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh không tiến hành kiểm tra, xác minh.

3. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, về khiếu nại, về tố cáo

Công tác tiếp công dân định kỳ tại đơn vị luôn được Trưởng ban quan tâm, chỉ đạo và được duy trì thường xuyên theo quy định.

Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh của công dân đã được Trưởng ban quan tâm chỉ đạo, giải quyết theo thẩm quyền và đảm bảo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra

Việc xây dựng Kế hoạch thanh tra hàng năm của đơn vị cơ bản được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra 2010; Thông tư 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ. Kế hoạch thanh tra hàng năm cơ bản đã xác định đúng lĩnh vực, đúng nội dung trọng tâm, đúng đối tượng thanh tra, gắn sát với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Giai đoạn 2019-2021, Trưởng Ban Dân tộc đã chỉ đạo Phòng Thanh tra thực hiện các hoạt động thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra 2010; đồng thời, thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo.

II. Về khuyết điểm, hạn chế

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2019-2022

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ từ năm 2019-2022, quy định: Chế độ thanh toán tiền tàu xe phép năm “*Được thanh toán phụ cấp đi đường trong thời gian nghỉ phép với mức chi 200.000 đồng/ngày nhưng tối đa không quá 05 ngày*” là không đúng theo quy định tại Điều 113 Bộ Luật Lao động và Điều 4 Thông tư 141/2011/TT-BTC. ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính.

- Chi nước uống phục vụ các lớp bồi dưỡng, tập huấn đối tượng 3, 4 và người có uy tín năm 2019-2022: Chứng từ thiếu phiếu nhập kho; xuất kho; Biên bản giao nhận số lượng cho các lớp.

- Một số nội dung chi nguồn kinh phí không tự chủ năm 2020-2021 chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán 2015 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính (*không có giấy báo hết mục đề nghị thay, phiếu xác nhận thay mục không thể hiện loại máy; không lập dự toán, báo giá không đầy đủ, không có phiếu nhập kho, xuất kho và biên bản giao nhận số lượng...*).

- Năm 2020-2022, thực hiện cung cấp Panô, bảng tuyên truyền, tờ rơi, in ấn phẩm thông tin tuyên truyền về chính sách dân tộc cho các xã, phường, thị trấn và các huyện, thành phố (*tuyên truyền về Đề án bình đẳng giới; phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết...*): Không lập dự toán chi tiết, thiết kế bảng vẽ; Biên bản khảo sát làm việc với các đơn vị; Biên bản xác nhận của các thôn và Danh sách cấp cho các thôn. Ban Dân tộc là đơn vị chủ trì triển khai các nội dung này đến từng thôn và người dân, lại giao trách nhiệm cho Phòng dân tộc các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; đồng thời, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện, để nâng cao hiệu quả trong công tác tuyên truyền.

- Năm 2020-2022, thực hiện cung cấp USB file âm thanh tuyên truyền pháp luật hôn nhân dân số gia đình phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết: Không có đăng ký nhu cầu từ các huyện, xã; Biên bản giao nhận USB tuyên truyền với Phòng Dân tộc các huyện, thành phố; không có danh sách cấp phát cho các xã, thôn; Hầu hết các USB đến thời điểm xác minh chưa được sử dụng. Đơn vị không khảo sát nhu cầu và điều kiện cơ sở vật chất của các xã, thôn, dẫn đến việc sử dụng không hiệu quả. Đồng thời, chưa thực hiện kiểm tra, giám sát việc cấp phát đến đối tượng.

- Năm 2019:

+ Việc khảo sát nhu cầu sử dụng khung dệt vải thổ cẩm để thực hiện Đề án “*Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống các Dân tộc thiểu số tại chỗ*” trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa được chặt chẽ, chưa thiết thực dẫn đến có 09 bộ khung dệt vải thổ cẩm hỗ trợ cho các hộ người đồng bào DTTS Brâu tại thôn Đăk Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi được nhận khung dệt vải thổ cẩm nhưng không sử dụng, để hư hỏng. Hồ sơ bàn giao bộ khung dệt vải thổ cẩm cho người dân không ghi giá trị, để người dân biết được số tiền được hỗ trợ từ việc cung cấp khung dệt.

+ Việc quản lý, theo dõi một số lớp tập huấn về công tác chính sách dân tộc chưa được chặt chẽ, như: không mở sổ theo dõi tài liệu, đồ dùng phục vụ các lớp tập huấn đã thanh toán cho nhà cung cấp, việc cấp phát cho học viên; chi tiền hỗ trợ phục vụ âm thanh, loa đài, quét dọn, thuê hội trường chỉ có giấy nhận tiền, không có hợp đồng, thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của đơn vị cho thuê.

+ Việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát các hộ được cung cấp sản phẩm, công cụ để thực hiện Đề án “*Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống các Dân tộc thiểu số tại*

chỗ” trên địa bàn tỉnh chưa được chặt chẽ, không tổng hợp và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện Đề án.

+ Việc mua gỗ cung cấp cho người dân để đẽo thuyền độc mộc sai đối tượng quy định tại điểm 1.1.7, khoản 1.1 và khoản 1.3 Mục 1 theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 322/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, không có xã Sa Bình của huyện Sa Thầy, nhưng đã chi thanh toán với **số tiền 15.707.000 đồng**.

+ Trước khi mua sắm tài sản, đơn vị không ban hành quyết định mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Năm 2020 - 2021:

+ Phô tô tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối tượng 4, vượt 126 bộ với **số tiền 5.040.000 đồng**; in tài liệu chuyên môn tuyên truyền phòng, chống Covid-19 không có nội dung, sai quy định số lượng 255 bộ với **số tiền 5.100.000 đồng, tổng số tiền sai phạm: 10.140.000 đồng**.

+ Nguồn thu khác năm 2021: Thực hiện trích 20% chi phí Ban quản lý dự án thuộc Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh, định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, với số tiền 328.717.000 đồng (theo Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 22/11/2021). Đơn vị đã rút vốn đầu tư trong 03 lần với số tiền 295.920.000 đồng. Việc Ban Dân tộc tỉnh và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum tự ý thỏa thuận phân chia 20% nguồn chi phí quản lý dự án cho Ban Dân tộc tỉnh thụ hưởng là sai quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BTC, ngày 28 tháng 01 năm 2019 Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định Về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, **số tiền sai phạm là 295.920.000 đồng**.

- Năm 2022:

+ Sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng CBCC; nguồn chính sách dân tộc) để chi công tác phí cho CBCC của đơn vị là không đúng nguồn, nội dung này thuộc nhóm nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí tự chủ đã bao gồm trong định mức/biên chế, **số tiền 16.346.000 đồng**.

+ Công tác sửa chữa tài sản năm 2022: Ban Dân tộc tiến hành sửa chữa trụ sở làm việc, đơn vị thanh toán sai quy định **số tiền 63.862.726 đồng**. Cụ thể:

Nghiệm thu thanh toán tăng khối lượng so với thực tế thi công với số tiền 12.625.726 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%) là chưa đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Nghiệm thu thanh toán các khoản chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng chưa đúng theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021 của Chính phủ, Quy định chi tiết về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 3 thông tư

số 14/2021/TT-BXD, ngày 08/ 9/2021 của Bộ Xây dựng, Về việc xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng số tiền: 51.237.000 đồng.

Để xảy ra những tồn tại, thiếu sót trong công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí nêu trên, trách nhiệm thuộc về Trưởng ban, các Phó Trưởng ban (theo nhiệm vụ được phân công), các phòng chuyên môn và các cá nhân có liên quan.

2. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, về khiếu nại, về tố cáo

a. Về công tác tiếp công dân:

- Đối với Quyết định ban hành quy chế tiếp công dân của Ban Dân tộc tỉnh (năm 2017) và Quyết định ban hành Nội quy tiếp công dân của Trụ sở Ban Dân tộc tỉnh (năm 2019) hiện nay một số văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để ban hành các quyết định này đã hết hiệu lực thi hành, tuy nhiên đơn vị vẫn chưa rà soát để sửa đổi, thay thế cho phù hợp với các quy định hiện hành.

- Đơn vị chưa mở sổ tiếp công dân thường xuyên cũng như tiếp công dân định kỳ của Trưởng ban Dân tộc theo quy định.

- Nội quy tiếp công dân định kỳ của Trưởng Ban Dân tộc được niêm yết tại đơn vị chưa thống nhất với Thông báo tiếp công dân định kỳ của Trưởng ban (*niêm yết vào ngày thứ Năm hàng tuần, nhưng tại Thông báo tiếp công dân định kỳ của Trưởng ban gửi cho các đơn vị là ngày 22 hàng tháng*).

b. Về công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh

- Các nội dung, thông tin vào sổ theo dõi đơn thư tiếp nhận đơn thư, đơn vị chưa cập nhật kịp thời và chưa đầy đủ.

- Hồ sơ, tài liệu lưu trữ còn sơ sài, chưa khoa học.

Để xảy ra những tồn tại, thiếu sót nêu trên, trách nhiệm thuộc về Trưởng ban, các phòng chuyên môn và các cá nhân có liên quan.

3. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra

- Từ năm 2019-2021: Không có đề xuất định hướng kế hoạch thanh tra gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp, báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định; các Đoàn thanh tra không lập, bàn giao, quản lý hồ sơ thanh tra theo quy định tại Điều 49, Điều 50 của Thông tư 06/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum, tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022; tại khoản 10 Điều 2 quy định thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn **thanh tra** là không đúng chức năng theo quy định tại Điều 4 Luật thanh tra 2010 và Nghị định số 07/2012/NĐ-CP, ngày 09/12/2012 của Chính phủ vì sau khi tổ chức lại không còn phòng Thanh tra.

Để xảy ra những thiếu sót nêu trên, trách nhiệm thuộc về Trưởng ban, các phòng chuyên môn và các cá nhân có liên quan.

D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 6 năm 2022 quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc tỉnh theo đúng quy định của Luật Thanh tra 2022.

2. Đề nghị Trưởng Ban Dân tộc tỉnh

- Chỉ đạo các Phòng chuyên môn, các cá nhân có liên quan phát huy những kết quả đạt được; chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại phần kiểm tra, xác minh. Đồng thời, xây dựng kế hoạch khắc phục những khuyết điểm, tồn tại và kết quả thực hiện kết luận thanh tra.

- Đối với việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí:

+ Chỉ đạo bộ phận tham mưu điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát các nội dung tuyên truyền do đơn vị chủ trì triển khai thực hiện, để mang lại hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền, tránh lãng phí, nội dung không phù hợp với nhu cầu thực tế của các địa phương.

- Đối với việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, về khiếu nại, về tố cáo:

+ Chỉ đạo sửa đổi, thay thế Quyết định ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân của Ban Dân tộc tỉnh theo quy định hiện hành; đồng thời, quy định thống nhất thời gian tiếp công dân định kỳ của Trưởng Ban dân tộc tỉnh.

+ Chỉ đạo phòng chuyên môn mở sổ tiếp công dân thường xuyên cũng như tiếp công dân định kỳ của Trưởng ban Dân tộc theo quy định; công tác tiếp nhận đơn thư được cập nhật vào sổ theo dõi kịp thời, đầy đủ thông tin về kết quả xử lý, giải quyết và lưu trữ, hồ sơ tài liệu theo quy định.

- Đối với việc thực hiện pháp luật về thanh tra: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, ngày 13/6/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc tỉnh theo đúng quy định của Luật Thanh tra 2022.

3. Xử lý hành chính

Đề nghị Trưởng Ban Dân tộc tỉnh chỉ đạo họp kiểm điểm trách nhiệm và xử lý kỷ luật (*nếu đến mức phải xử lý kỷ luật*) đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến những khuyết điểm, tồn tại, hạn chế mà Đoàn thanh tra đã nêu tại kết luận thanh tra.

4. Xử lý về kinh tế

Đề nghị Trưởng Ban Dân Tộc tỉnh Kon Tum:

- Không thanh toán chi phí khác còn nợ công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh số tiền 2.536.000 đồng.

- Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định, số tiền 393.865.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), cụ thể:

+ Mua gỗ cung cấp để đẽo thuyền độc mộc sai đối tượng quy định năm 2019 số tiền 15.707.000 đồng.

+ In và phô tô tài liệu sai quy định năm 2020 số tiền 10.140.000 đồng.

+ Năm 2021, trích 20% chi phí Ban quản lý dự án thuộc Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh, định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ không đúng quy định số tiền 295.920.000 đồng.

+ Chi công tác phí cho cán bộ, công chức không đúng nguồn năm 2022 số tiền

16.346.000 đồng.

+ Thanh toán sai quy định chi phí tư vấn; chi phí quản lý dự án, với số tiền 48.701.000 đồng/1,1 = 44.273.636 đồng (*trừ 10% thuế VAT*), làm tròn 44.274.000 đồng.

+ Thanh toán chi phí xây lắp tăng so với thực tế thi công: 12.625.726 đồng/1,1 = 11.477.932 đồng (*trừ 10% thuế VAT*), làm tròn 11.478.000 đồng.

Toàn bộ số tiền **393.865.000 đồng** (*bằng chữ: Ba trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn*), nộp vào Tài khoản tạm giữ số 3949.0.1048279 của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

- Đề nghị Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả thực hiện kết luận và các kiến nghị thanh tra về Thanh tra tỉnh sau 45 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra./.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/cáo);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (b/cáo);
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (b/cáo);
- Chánh Thanh tra tỉnh (b/cáo);
- Ban Dân tộc tỉnh (t/hiện);
- VP, các Phòng Nghiệp vụ 1 và 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ Đoàn thanh tra.

Trần Minh Tuấn